

Số: 22 / BC-THQN

Quỹ Nhất, ngày 25 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Quỹ Nhất

2. Địa chỉ: Thôn 06 - Xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 0762493657

Website: [https:// thttquynhat.namdinh.edu.vn](https://thttquynhat.namdinh.edu.vn)

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu.

4.1. Sứ mệnh

Trường Tiểu học Quỹ Nhất cam kết xây dựng một môi trường học tập thân thiện, sáng tạo, và hợp tác, nơi mà mỗi học sinh đều được phát triển tối đa tiềm năng của mình. Chúng tôi chú trọng không chỉ vào kiến thức mà còn vào phát triển kỹ năng sống, phẩm chất đạo đức, giúp các em trở thành những công dân tự tin, trách nhiệm và có khả năng thích ứng với sự thay đổi của xã hội.

4.2. Tầm nhìn:

Trở thành ngôi trường Tiểu học chất lượng cao, nơi tạo ra những thế hệ học sinh có trí tuệ, đạo đức và sức khỏe. Chúng tôi phấn đấu xây dựng một cộng đồng giáo dục hiện đại, kết nối với xã hội, không ngừng đổi mới và vươn tới sự ổn định và bền vững trong tương lai.

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

4.3. Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Lịch sử hình thành: Trường tiểu học Quỹ Nhất thuộc địa bàn xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình, được thành lập từ năm 1958 và đến năm 1995 có tên là trường phổ thông xã Nghĩa hòa. Từ năm 1995 trường tiểu học Nghĩa Hòa được thành lập

đến tháng 6 năm 2025 là trường tiểu học thị trấn Quý Nhất. Sau khi thực hiện chính quyền đại phương 2 cấp từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 trường có tên là trường Tiểu học Quý Nhất, xã Quý Nhất, tỉnh Ninh Bình.

- Trường Tiểu học xã Quý Nhất là trường công lập được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành.

- Từ năm 2023 đến năm 2025 nhà trường được UBND thị trấn và 02 ngân hàng Vietcom Bank và Vietin Bank đầu tư CSVC, xây dựng hai dãy nhà 03 tầng với 24 phòng học và 05 phòng chức năng khang trang, sân chơi rộng đẹp. Một phần diện tích lớn của nhà trường đã dùng để làm sân hoạt động chung, bãi tập vườn thực, nghiệm, thăm cỏ, bồn hoa, cây xanh,... đã làm cho ngôi trường xanh-sạch-đẹp để tổ chức các hoạt động vui chơi, học tập, hoạt động ngoại khóa cho học sinh.

Trường đã nhiều năm liên tục đạt Tập thể Lao động Tiên tiến và được Sở Giáo dục tỉnh Nam Định tặng Giấy khen.

- Xây dựng phát triển nhà trường các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Mên

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 06, xã Quý Nhất, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 0762493657

Email: nguyenthimen1972@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 lấy tên là trường tiểu học Quý Nhất theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Quý Nhất.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hiện tại Hội đồng trường đang thực hiện theo Quyết định về việc kiện toàn hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường theo Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng Về việc kiện toàn Hội đồng Trường Tiểu học Thị trấn Quý Nhất nhiệm kỳ 2021 - 2026

DANH SÁCH
Thành viên Hội đồng trường Trường Tiểu học Thị trấn Quý Nhất
Nhiệm kỳ 2021-2026
(Kèm theo Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng)

TT	Họ tên	Trình độ CM	Chức vụ hiện tại	Chức vụ Hội đồng trường
1	Lại Thanh Hải	Đại học	Bí thư chi bộ - HT	Chủ tịch
2	Vũ Thị Dịu	Đại học	Phó hiệu trưởng	Phó CT
3	Nguyễn Thị Hà	Đại học	CTCD-Tổ trưởng tổ 4,5	Thành viên
4	Vũ Thị Khuyên	Cao đẳng	Khôi trưởng khối 4	Thành viên
5	Khuông Thị Vân	Đại học	Tổ trưởng tổ 1,2,3	Thành viên
6	Nguyễn Thị Luyên	Đại học	Bí thư Đoàn TN	Thành viên
7	Lê Hồng Lụa	Cao đẳng	Kế toán	Thư ký
8	Lê Văn Dân	Đại học	Phó chủ tịch UBND	Thành viên
9	Lê Văn Huân	9/12	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên

(Đ/c Lại Thanh Hải- Hiệu trưởng đã chuyển công tác về trường Tiểu học Nghĩa Lâm từ 15/01/2025.)

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng:

Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của UBND huyện Nghĩa Hưng Về việc luân chuyển, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Thị trấn Quý Nhất đối với bà Nguyễn Thị Mến.

Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 26/08/2025 của UBND xã Quý Nhất Về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai

Chức vị: Hiệu trưởng trường Tiểu học Quý Nhất đối với bà Nguyễn Thị Mến.

Chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Quý Nhất đối với bà Vũ Thị Dịu.

Quyết định số 5733/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Nghĩa Hưng Về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Thị trấn Quý Nhất đối với bà Vũ Thị Dịu.

Đồng chí Lại Thanh Hải- Nguyên Hiệu trưởng Tiểu học thị trấn Quĩ Nhất luân chuyển công tác về trường tiểu học xã Nghĩa Lâm từ ngày 15/01/2025 theo số 49/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của UBND huyện Nghĩa Hưng.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của Trường Tiểu học Quĩ Nhất

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành;

Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Quĩ Nhất được thành lập theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Quĩ Nhất. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường Tiểu học trọng điểm của địa bàn xã Quĩ Nhất.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các ; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.
- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục
 - + 01 Hội đồng trường với 09 thành viên.
 - + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
 - + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
 - + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường nếu có).
 - + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 12 đảng viên.
 - + Tổ chức Đoàn đội: có 09 lớp sao nhi đồng và 06 chi đội.
 - + Ban đại diện CMHS.
 - + Các tổ chuyên môn: 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng

7.5. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Mến	Hiệu trưởng	0762493657	nguyenthimen1972@gmail.com
2	Vũ Thị Dịu	Phó hiệu trưởng	0814538439	diuhuong81976@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 06, xã Quỳ Nhất, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 0762493657

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

- Chiến lược phát triển nhà trường:

Kế hoạch số 01/KH-THQN ngày 03/08/2025 kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến năm 2035.

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 30/QĐ-THQN ngày 10/10/2025 về việc Về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học: 2025-2026.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo (22 viên chức)

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp			Xếp loại chuẩn nghề nghiệp		
			Đ H	CD	TC	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt
	Tổng số CBQL, GV, và NV	22	19	2	2	3	17				
I	Giáo viên	18	17			2			1		
1	Văn hóa	11	10	1		1	10		10	1	
2	Ngoại ngữ	1	1			1			1		
3	Tin học	2	2				2			2	
4	GDTC	2	2				2		1	1	
5	Âm nhạc	1	1				1		1		
6	Mĩ thuật	1	1				1		1		
II	CBQL	2	2			1	1		2		
1	Hiệu trưởng	1	1			1			1		
2	P. Hiệu trưởng	1	1				1		1		
III	Nhân viên	2		1	1			2			
1	Kế toán	1		1				1			
2	Y tế	1			1			1			

Hợp đồng:

- Giáo viên: 05 giáo viên (trong đó 04 giáo viên văn hóa, 01 giáo viên Tiếng Anh)

- Nhân viên: 02(01 nhân viên hợp đồng 111)

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp (diện viên chức)

- CBQL: 02 xếp loại Tốt

- Tổng số giáo viên đã đánh giá: 18

Trong đó: xếp loại

+ Tốt: 14/18 = 77,8%;

+ Khá 04/18 = 22,2%;

+ Đạt: 0

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 100%

Trong đó: Cán bộ quản lý: 02, Giáo viên: 18

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

TT	Các hạng mục công trình	Số lượng			
		Tổng số	Kiên cố	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh
1	Khối phòng học tập	21	21	21	Đủ
1.1	Phòng học	15	15	15	Đủ
1.2	Phòng Ngoại ngữ	01	01	01	Đủ
1.3	Phòng Tin học	01	01	01	Đủ
1.4	Phòng Mỹ thuật	01	01	01	Đủ
1.5	Phòng Âm nhạc	01	01	01	Đủ
1.6	Phòng KHCN	01	01	01	Đủ
1.7	Phòng đa chức năng	01	01	01	Đủ
2	Khối phòng hỗ trợ học tập	6	6	6	
2.1	Phòng Hiệu trưởng	01	01	01	Đủ
2.2	Phòng Phó hiệu trưởng	01	01	01	Đủ
2.3	Thư viện	01	01	01	Đủ
2.4	Phòng Thiết bị giáo dục	01	01	01	Đủ
2.5	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	01	01	01	Đủ
2.6	Phòng Đội Thiếu niên, truyền thống	01	01	01	Đủ
3	Khối phòng phụ trợ	8	8	9	Đủ
3.1	Phòng họp	01	01	01	Đủ
3.2	Phòng Y tế trường học	01	01	01	Đủ
3.3	Nhà kho	01	01	01	Đủ
3.4	Khu để xe học sinh	01	01	01	Đủ
3.5	Khu để xe giáo viên	01	01	01	Đủ
3.6	Khu vệ sinh học sinh	02	02	02	Đủ
3.7	Khu vệ sinh giáo viên	01	01	01	Đủ

3.8	Phòng giáo viên	0	0	01	Thiếu
4	Khu sân chơi bãi tập	2			
4.1	Sân chơi	01			
4.2	Bãi tập	01			
4.3	Nhà đa năng	0			
5	Tổng diện tích đất (m²)	5223		5223	
6	Tổng diện tích sân chơi bãi tập (m²)	2786			
7	Tổng diện tích xây dựng (m²)	1817			
8	Diện tích các phòng (m²)	1440			
8.1	Phòng học (m ²)	900			
8.2	Phòng Thư viện (m ²)	120			
8.3	Phòng Thiết bị (m ²)	60			
8.4	Phòng Ngoại ngữ (m ²)	60			
8.5	Phòng Tin học (m ²)	60			
8.6	Phòng Âm nhạc (m ²)	60			
8.7	Phòng Mỹ thuật (m ²)	60			
8.8	Phòng KHCN (m ²)	60			
8.9	Phòng Đội, truyền thông(m ²)	60			
9	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Bộ)	05			
9.1	Lớp 1 (Bộ)	03			Đủ
9.2	Lớp 2 (Bộ)				-03
9.3	Lớp 3 (Bộ)				-03
9.4	Lớp 4 (Bộ)	02			Đủ
9.5	Lớp 5 (Bộ)				-03
10	Tổng số thiết bị dùng chung (Bộ)	39			
10.1	Ti vi (Chiếc)	17			-05
10.2	Máy tính (Bộ)	17			-07
10.3	Máy chiếu	01			-01
10.4	Máy in	4			Đủ
11	Thông tin khác	7			
11.1	Nguồn nước hợp vệ sinh	01			Đảm bảo
11.2	Nguồn điện lưới	01			Đảm bảo
11.3	Đường truyền Internet	02			Đảm bảo
11.4	Bảng tương tác	0			Không có

11.5	Trang Thông tin điện tử(website) của trường	01			Đảm bảo
11.6	Tường rào	01			Đảm bảo
11.7	Cổng trường, biển trường	01			Đảm bảo

**DANH MỤC
SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1;2;3;4;5
SỬ DỤNG TRONG NĂM HỌC 2024-2025 VÀ NĂM HỌC 2025-2026**

1. Lớp 1

TT	Tên sách	Tên tác giả	NXB	Bộ sách
1	Tiếng Việt 1	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Thị Ly Kha, Lê Hữu Tỉnh.	Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm TP HCM	Cánh điều
		Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Thị Minh Hương, Trần Mạnh Hương, Đặng Kim Nga.		
2	Toán 1	Tập 1: Trần Diên Hiền (Chủ biên), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai, Nguyễn Thúy ² Vân.	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Vi sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục
		Tập 1: Trần Diên Hiền (Chủ biên), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai, Nguyễn Thúy Vân.		
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy ((Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm TP HCM	Cánh điều
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên) Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Thị Thu Trang.	Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh điều
5	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên); Nguyễn Thị Thu Hằng; Phạm Quang Tiệp; Ngô Quang Quế.	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cánh điều

6	Giáo dục Thể chất 1	Hồ Đắc Sơn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền.	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cùng học để phát triển năng lực
7	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thắng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cùng học để phát triển năng lực
8	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thư.	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục
9	Tiếng Anh 1	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền. Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Danh mục gồm 9 sách giáo khoa./.

2. Lớp 2:

TT	Tên sách	Tên tác giả	NXB	Bộ sách
1	Tiếng Việt 2	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng -Trần Thị Hiền Lương (Đồng Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phượng.	NXB	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng -Trần Thị Hiền Lương (Đồng Chủ biên), Lê Thị lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị hảo Tâm.		
		Tập 1: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB	Kết nối tri thức với cuộc sống

2	Toán 2	Tập 2: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quê Hương, Bùi Bá Mạnh.	GD Việt Nam	sống
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ Biên), Vũ Thị lan anh- Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyên, Phạm Mai Vương.	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc 2	Hoàng Long- Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thắng, Nguyễn Thị Thanh Vân	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên); Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên); Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	NXB GD Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Tiếng Anh 2	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền. Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Danh mục gồm 9 sách giáo khoa./.

3. Lớp 3

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Tên tác giả</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Thuộc bộ sách</i>
-----------	-----------------	--------------------	---------------------	----------------------

1.	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.		
2.	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3.	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4.	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5.	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thủy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6.	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7.	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8.	Giáo dục Thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9.	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10.	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng ⁵ Chủ biên), Trần Thị Biển-Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

11.	Tiếng Anh 3 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
-----	------------------------------	---	--------------------------------	--------------------------------

Danh mục gồm 11 sách giáo khoa./.

4. Lớp 4

TT	Tên sách	Tên tác giả	NXB/Bộ sách
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Lịch sử và Địa lý 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lý), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

7	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Duy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật 4	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh 4 (GlobalSuccess)	Tập 1: Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa./

5. Lớp 5

TT	Tên sách	Tác giả	NXB/Bộ sách
1	Tiếng Việt 5, Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
	Tiếng Việt 5, Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị	

		Kim Oanh, Đặn Thị Hảo Tâm.	
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo Đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

9	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mỹ thuật 5	Đình Gia Lê (Tổng chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa./.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

1. Tổng hợp kết quả theo các tiêu chí

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường				
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.		x	x	x
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác		x	x	---
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường		x	x	

				x
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.		x	x	x
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học.		x	x	---
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.		x	x	x
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.		x	x	---
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.		x	x	---
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở		x	x	---
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.		x	x	---
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh				
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng		x	x	x
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên		x	x	x
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên		x	x	x
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh		x	x	x
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học				
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, bãi tập		x	x	
Tiêu chí 3.2: Phòng học		x	x	x
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính quản trị		x	x	x
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước		x	x	---
Tiêu chí 3.5: Thiết bị		x	x	x
Tiêu chí 3.6: Thư viện		x	x	x
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội				
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh		x	x	x
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá		x	x	

nhân của nhà trường				x
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục				
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường		x	x	---
Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học		x	x	x
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục		x	x	x
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục		x	x	x
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục		x	x	x

2. Kết quả: Đạt kiểm định Mức 2

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh

Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 (Kế hoạch số 06/KH-THQN ngày 09/5/2025 của Trường Tiểu học thị trấn Quỳ Nhất)

Đối tượng tuyển sinh: Trẻ 6 tuổi sinh năm 2019, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở địa phương khác chuyển về có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 6 đến 7 tuổi. Có hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) thuộc xã Quỳ Nhất, tỉnh Ninh Bình.

- Thời gian tuyển sinh: Tuyển sinh trực tiếp từ ngày 26/5/2025 đến hết ngày 02/6/2025.

Chỉ tiêu tuyển sinh: 96

- Số lớp: 03 lớp

- Số HS đăng ký nhập học: 96 học sinh

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

2.1. Thông tin về lớp, học sinh năm học 2024-2025

Khối	Số lớp	Số HS	HSLB	K. Tật	BQ số HS/lớp	Ghi chú
Một	03	100	0	0	33,3	
Hai	03	95	0	1	31,7	
Ba	03	111	0	0	37	
Bốn	02	96	0	0	48	
Năm	02	105	0	0	52,5	
Tổng số	13	507	0	01	39	

2.2. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

- Kết quả đánh giá giáo dục toàn trường cuối năm học 2024-2025

ST T	Tổng số học sinh	Số HS khuyết tật không đánh giá		Hoàn thành chương trình lớp học (Tính đến thời điểm 31/5)					Hoàn thành chương trình tiểu học (Tính đến thời điểm 31/5)				
				Số học sinh	Hoàn Thành		Chưa HT		Số học sinh	Hoàn thành		Chưa HT	
		SL	%		SL	%	SL	%		SL	%	SL	%
1	507	0	0,0	402	402	100	0	0	105	105	100	0	0

2.3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào trường THCS.

- Số lượng học sinh được công nhận HTCTTH năm học 2024-2025: 105 em.

- Số lượng học sinh được tuyển vào lớp 6 năm học 2025-2026: 105 em.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

Căn cứ kế hoạch dự toán thu - chi năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 1349/QĐ-PGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Phòng GD&ĐT huyện Nghĩa Hưng Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho trường Tiểu học thị trấn Quỳ Nhất;

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-PGDĐT ngày 14/05/2024; Quyết định số 198/QĐ-PGDĐT ngày 09/05/2024; Quyết định số 637/QĐ-GDĐT ngày 21/10/2024, Quyết định số 875/QĐ-GDĐT ngày 04/11/2024; Quyết định số 980/QĐ-GDĐT ngày 07/11/2024 của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nghĩa Hưng Về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị trường học năm 2024;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

*) Nguồn ngân sách:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi.	5.181.459.509
I	Dự toán thu	4.680.103.000
1	Nguồn ngân sách nhà nước cấp	4.680.103.000
1.1	Ngân sách cấp đầu năm	3.853.525.000
1.2	Ngân sách cấp bổ sung	826.578.000
2	Nguồn thu từ người học	501.356.509
II	Các khoản chi	4.680.103.000

2.1	Chi lương	3.988.440.000
2.2	Chi cơ sở vật chất	92.777.000
2.3	Chi hoạt động	598.886.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.680.103.000
	Nguồn ngân sách trong nước	4.680.103.000
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.680.103.000
	Quỹ tiền lương	3.958.360.000
	Chi hoạt động	356.855.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	165.986.000
	Giáo viên dạy hợp đồng	144.000.000
	Chi phí học tập	14.000.000
	Học sinh khuyết tật	0
	Các chế độ khác	0
	Chi khác	40.902.000

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp hỗ trợ chi phí học tập, học bổng đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Chi hỗ trợ chi phí học tập	Đồng	4.050.000	Ngân sách nhà nước cấp

3. Công khai thu - chi các quỹ thỏa thuận năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Tổng số thu	Tổng số chi	Chênh lệch	Ghi chú
1	Tiền dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	62.944.000	62.944.000		
2	Tiền nước uống học sinh	44.960.000	44.960.000		
3	Tiền dạy Kỹ năng sống	235.840.000	235.840.000		
4	BHXH cấp CSSKBD năm 2023	22.996.509	22.996.509		
	Tổng cộng	366.740.509	366.740.509	0	0

4. Công khai các khoản thu thỏa thuận năm học 2025-2026 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
Năm học 2025-2026				
1	Tiền dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	Đồng/tháng/HS	18.000	
2	Tiền nước uống HS	Đồng/tháng/HS	10.000	
3	Tiền học kỹ năng sống	Đồng/tiết/HS		Hiện tại kỳ I chưa học KNS. Dự kiến kỳ II: 12.000đ/tiết
Dự kiến Năm học 2026-2027				
1	Tiền dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	Đồng/tháng/HS	18.000	
2	Tiền nước uống HS	Đồng/tháng/HS	10.000	
3	Tiền học kỹ năng sống	Đồng/tiết/HS	12.000	
Dự kiến Năm học 2026-2028				
1	Tiền dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	Đồng/tháng/HS	18.000	
2	Tiền nước uống HS	Đồng/tháng/HS	10.000	
3	Tiền học kỹ năng sống	Đồng/tiết/HS	12.000	

5. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Tiền mặt tại đơn vị	Đồng	0	
2	Tiền gửi tại KBNN	Đồng	0	

6. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	22	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	2.498.750.000	
II	Các khoản giảm trừ			
1	Số lượng NPT tính giảm trừ			

2	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh		2.904.000.000	
3	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học			
4	Bảo hiểm được trừ			
III	Thu nhập tính thuế			

7. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

STT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng cuối năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước tỷ lệ %
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ	189.752.000	136.664.000	53.088.000	66,74%
1	Tiền dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	69.086.000	34.958.000	34.128.000	101,29
2	Tiền nước uống HS	43.930.000	24.970.000	18.960.000	98,71%
3	Tiền học kỹ năng sống	76.736.000	76.736.000		52,69%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.390.390.000	2.605.067.000	2.785.232.000	81,75%

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Dạy chương trình Giáo dục địa phương; giáo dục Stem: 100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem, chương trình giáo dục địa phương, ANQP, ATGT, Phát triển năng lực số được dạy tích hợp trong các môn học.

Các hoạt động về chuyên môn đẩy mạnh các hoạt động phong trào thi đua trong “Dạy – Học”, đặc biệt là các phong trào mũi nhọn, đội ngũ giáo viên nhiệt tình trách nhiệm với học sinh để có giải pháp động viên, bồi dưỡng hiệu quả giúp học sinh thể hiện được hết trí tuệ, khả năng của mình. Cụ thể:

Kết quả các cuộc thi các cấp

* Đối với HS: đạt 25 giải cấp huyện

- Thi hùng biện tiếng anh cấp huyện: đạt 03 giải (trong đó 1 giải ba và 02 giải khuyến khích)

- Thi thể dục thể thao cấp huyện: Đạt 02 giải(02 giải khuyến khích)

- Thi chữ đẹp cấp huyện 20 giải A

* Đối với GV: Đạt 04 giải

- Thi GVG cấp huyện: Đạt 01 (Đ/c Nguyễn Thị Luyên)

- Thi viết sáng kiến kinh nghiệm: đạt 01 SKKN cấp huyện; 02 Sáng kiến được Sở Giáo dục công nhận cấp ngành (sở).

Kết quả thi đua nhà trường trong năm học 2024-2025

Tập thể đạt: Lao động tiên tiến.

Cá nhân: CSTĐ: 2 đc; Giấy khen của UBND huyện: 02 đc; LĐTT: 17 đc.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2025 (Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của Trường Tiểu học Quĩ Nhất.

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH xã Quĩ Nhất (B/c);
- Website của trường;
- Lưu: VT.,



Nguyễn Thị Mến